

Số: 34 /MHC
V/v: "BCTC Quý 1 năm 2017
- Hợp nhất"

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**
(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần MHC

Mã chứng khoán: MHC

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 10, Tòa nhà VINATEA, Số 92, đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 043.5770810

Fax: 043.5770814

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thị Lan Anh

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Vinatea, 92 Võ Thị Sáu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04 35770810

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính quý 1 năm 2017 - Hợp nhất và Công văn giải trình.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/04/2017 tại đường dẫn www.marinahanoi.com.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính quý 1 năm 2017 – Hợp nhất
- Công văn 32/MHC

**Người đại diện theo pháp luật/
Người được ủy quyền công bố thông tin**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
Nguyễn Thị Lan Anh

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC



MHC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 1-2017

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2017 (HỢP NHẤT)

Đơn vị tính: đồng

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU NĂM |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| I | 2 | 3 | 4 | 5 |
| A- TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 462,694,086,075 | 442,304,176,937 |
| I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN | 110 | | 8,396,127,781 | 11,499,679,326 |
| 1. Tiền | 111 | | 3,731,941,964 | 3,882,457,991 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 4,664,185,817 | 7,617,221,335 |
| II. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN | 120 | | 290,493,771,014 | 402,434,599,488 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 315,440,069,435 | 434,770,535,927 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | -25,646,298,421 | -33,035,936,439 |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | | 700,000,000 | 700,000,000 |
| III. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN | 130 | | 158,985,026,712 | 22,780,039,398 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | | 13,990,752,387 | 13,117,769,382 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 372,798,474 | 204,799,909 |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | | |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | | 153,704,979,278 | 19,040,973,534 |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | -9,083,503,427 | -9,583,503,427 |
| IV. HÀNG TỒN KHO | 140 | | 4,957,500 | 275,000 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 4,957,500 | 275,000 |
| V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC | 150 | | 4,814,203,068 | 5,589,583,725 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 588,002,242 | 280,701,545 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 1,566,817,324 | 1,591,362,829 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | 2,659,383,502 | 3,717,519,351 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | | |
| B -TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 73,019,191,413 | 72,792,251,722 |
| I. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN | 210 | | 10,000,000,000 | 10,000,000,000 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 10,000,000,000 | 10,000,000,000 |
| II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH | 220 | | 6,270,460,859 | 5,601,667,922 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | | 5,523,967,059 | 4,855,174,122 |
| - Nguyên giá | 222 | | 19,346,336,162 | 18,481,869,253 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | -13,822,369,103 | -13,626,695,131 |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | | 746,493,800 | 746,493,800 |
| - Nguyên giá | 228 | | 746,493,800 | 746,493,800 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | 0 | 0 |
| III. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ | 230 | | 28,481,761,692 | 28,868,941,263 |
| - Nguyên giá | 231 | | 38,530,325,770 | 38,530,325,770 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | | -10,048,564,078 | -9,661,384,507 |
| IV. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN | 250 | | 28,264,468,862 | 28,319,142,537 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | | |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 4,386,196,462 | 4,440,870,137 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 23,878,272,400 | 23,878,272,400 |
| V. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC | 260 | | 2,500,000 | 2,500,000 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | | 0 | 0 |
| 2. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 2,500,000 | 2,500,000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 535,713,277,488 | 515,096,428,659 |

M.S.N
*
P.

| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI KỲ | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 4 |
| A- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 44,805,934,545 | 30,237,771,981 |
| I. NỢ NGẮN HẠN | 310 | | 44,544,232,518 | 29,983,091,932 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | | 9,911,595,672 | 9,522,706,440 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 183,447,792 | 183,012,792 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | | 293,853,763 | 211,928,757 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 2,369,489,798 | 2,753,717,457 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | | 2,842,329,428 | 2,662,299,369 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 371,193,693 | 10,909,089 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | | 2,000,880,299 | 2,410,458,622 |
| 8. Vay ngắn hạn | 320 | | 26,181,713,869 | 11,828,331,202 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 389,728,204 | 399,728,204 |
| II. NỢ DÀI HẠN | 330 | | 261,702,027 | 254,680,049 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | | 261,702,027 | 254,680,049 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | | 0 | 0 |
| B- VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 490,907,342,943 | 484,858,656,678 |
| I. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 410 | | 490,907,342,943 | 484,858,656,678 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 327,352,100,000 | 327,352,100,000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 327,352,100,000 | 327,352,100,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 28,614,580,000 | 28,614,580,000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 0 | 0 |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 415 | | -1,200,000 | -1,200,000 |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | 0 | 0 |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | 0 | 0 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 8,712,225,710 | 8,712,225,710 |
| 8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | 0 | 0 |
| 9. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 126,229,637,233 | 120,180,950,968 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 120,231,481,996 | 60,544,318,861 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 5,998,155,237 | 59,636,632,107 |
| II. NGUỒN KINH PHÍ, QUỸ KHÁC | 430 | | 0 | 0 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | 0 | 0 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 535,713,277,488 | 515,096,428,659 |

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Lan Hương

TRƯỞNG PHÒNG KT



Nguyễn Thị Lan Anh

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Tiến Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
QUÝ I NĂM 2017 (HỢP NHẤT)

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuế minh | Quý IV | | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý | |
|--|-------|-----------|----------------|----------------|--------------------------------|----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước | Năm nay | Năm trước |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 18,801,417,182 | 9,242,583,581 | 18,801,417,182 | 9,242,583,581 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 03 | | | | 0 | |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (10=01-03) | 10 | | 18,801,417,182 | 9,242,583,581 | 18,801,417,182 | 9,242,583,581 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | | 16,945,277,355 | 8,425,941,404 | 16,945,277,355 | 8,425,941,404 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20=10-11) | 20 | | 1,856,139,827 | 816,642,177 | 1,856,139,827 | 816,642,177 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 6,206,972,778 | 66,298,108,270 | 6,206,972,778 | 66,298,108,270 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | -929,461,205 | 7,337,599,801 | -929,461,205 | 7,337,599,801 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 625,674,459 | 195,032,820 | 625,674,459 | 195,032,820 |
| 8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | -54,673,675 | -257,418,887 | -54,673,675 | -257,418,887 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | | 1,639,196,253 | 1,911,365,588 | 1,639,196,253 | 1,911,365,588 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30= 20+ (21-22)-(24+25)} | 30 | | 7,298,703,882 | 57,608,366,171 | 7,298,703,882 | 57,608,366,171 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | | 3,721,580 | 0 | 3,721,580 | 0 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 14. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | 3,721,580 | 0 | 3,721,580 | 0 |
| 15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40) | 50 | | 7,302,425,462 | 57,608,366,171 | 7,302,425,462 | 57,608,366,171 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | 1,304,270,225 | 17,081,827,306 | 1,304,270,225 | 17,081,827,306 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | 0 | | | |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 5,998,155,237 | 40,526,538,865 | 5,998,155,237 | 40,526,538,865 |
| 18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số | 61 | | 0 | 0 | | 0 |
| 18.2. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 62 | | 5,998,155,237 | 40,526,538,865 | 5,998,155,237 | 40,526,538,865 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | | | | | |

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG KT

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Thị Lan Hương

Nguyễn Thị Lan Anh

Đặng Tiến Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN MHCĐịa chỉ: Tầng 10, tòa nhà Vinatea, Số 92, đường Võ Thị Sáu,
Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Mẫu số B 03a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ(Theo phương pháp gián tiếp)
QUÝ I NĂM 2017 (HỢP NHẤT)

| DIỄN GIẢI | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|--|-----------|-------------|------------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| <i>1. Lợi nhuận trước thuế</i> | <i>01</i> | | 7,302,425,462 | 81,475,499,503 |
| <i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i> | | | | |
| -Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư | 02 | | 582,853,543 | 2,147,652,750 |
| -Các khoản dự phòng | 03 | | -7,889,638,018 | 31,834,766,506 |
| -(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | 19,830,693 | 45,913,390 |
| -(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | -5,788,449,989 | -115,371,245,535 |
| -Chi phí Lãi vay | 06 | | 625,674,459 | 2,274,581,890 |
| <i>3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i> | <i>08</i> | | <i>-5,147,303,850</i> | <i>2,407,168,504</i> |
| (Tăng) / giảm các khoản phải thu | 09 | | -130,874,276,666 | -4,392,522,936 |
| (Tăng) / giảm hàng tồn kho | 10 | | -4,682,500 | 624,000 |
| Tăng / (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp) | 11 | | 631,647,680 | 4,410,217,974 |
| (Tăng) / giảm chi phí trả trước | 12 | | -307,300,697 | 120,477,255 |
| (Tăng) / giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | 0 | 0 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | -490,066,671 | -1,607,194,892 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | -29,573,701 | -28,346,671,543 |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 0 | 0 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | -504,500,000 | -54,400,000 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i> | <i>20</i> | | <i>-136,726,056,405</i> | <i>-27,462,301,638</i> |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | | -864,466,909 | -1,138,935,489 |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | | 0 | 0 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | -1,000,000,000 | -426,144,888,333 |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 111,001,000,000 | 130,001,430,000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | -18,414,951,526 | -363,017,493,269 |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 27,471,418,018 | 685,319,321,559 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 1,076,123,665 | 12,289,784,311 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i> | <i>30</i> | | <i>119,269,123,248</i> | <i>37,309,218,779</i> |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | 0 | 13,490,390,000 |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | 0 | 0 |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 22,131,219,988 | 104,305,395,033 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | -7,777,837,321 | -94,010,163,831 |

| DIỄN GIẢI | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này | |
|---|-----------|-------------|------------------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | | 0 | 0 |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | 0 | -28,554,658,950 |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i> | <i>40</i> | | <i>14,353,382,667</i> | <i>(4,769,037,748)</i> |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</i> | <i>50</i> | | <i>(3,103,550,490)</i> | <i>5,077,879,393</i> |
| <i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i> | <i>60</i> | | <i>11,499,679,326</i> | <i>6,421,750,862</i> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | -1,055 | 49,071 |
| <i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</i> | <i>70</i> | | <i>8,396,127,781</i> | <i>11,499,679,326</i> |

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



Lê Thị Lan Hương

TRƯỞNG PHÒNG KT



Nguyễn Thị Lan Anh

TỔNG GIÁM ĐỐC




Đặng Tiên Thành

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12

CÔNG TY CỔ PHẦN MHC

Tầng 10, tòa nhà VINATEA, số 92, đường Võ Thị Sáu, Phường Thanh Nhàn, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ I NĂM 2017

I. Đơn vị báo cáo

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần MHC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty quý 1 năm 2017 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

2. Lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ giao nhận kho vận tải hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa và container;
- Khai thuê hải quan;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Buôn bán, sản xuất tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa; đại lý hàng hải;
- Lai dắt tàu biển;
- Khai thác cảng và kinh doanh bãi container;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng và khu siêu thị;
- Vận tải đường thủy; và
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty có 2 công ty con và 2 công ty liên doanh, liên kết.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty và các công ty con có 71 nhân viên.

II. Cơ sở lập báo cáo tài chính

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng

1. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1-2017, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý 1-2017 được lập theo phương pháp gián tiếp.

3. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở

kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao (có kỳ hạn dưới 3 tháng), có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3. Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|----------|
| ▪ nhà cửa | 6-25 năm |
| ▪ dụng cụ văn phòng | 3 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5-10 năm |

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

9. Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

10. Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

11. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

12. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Thu nhập tài chính

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

13. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố.

15. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

I. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/3/2017 | 1/1/2017 |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 491,572,938 | 207,858,769 |
| Tiền gửi ngân hàng | 3,240,369,026 | 3,674,599,222 |
| Các khoản tương đương tiền | 4,664,185,817 | 7,617,221,335 |
| | 8,396,127,781 | 11,499,679,326 |

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

| | 31/3/2017 | 1/1/2017 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| + Công ty TNHH Hàng Hải Wallem Việt Nam | 2,198,790,703 | 2,153,002,717 |
| + Công ty CP Quản lý và Kinh doanh BĐS Hà Nội | 2,187,405,759 | 2,287,867,420 |
| | 4,386,196,462 | 4,440,870,137 |

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)

| | 31/3/2017 | | 1/1/2017 | | | |
|---|-----------|------------------------|-------------------------|-----------|------------------------|-------------------------|
| | Số lượng | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Số lượng | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Chứng khoán kinh doanh | | 315,440,069,435 | (25,646,298,421) | | 434,770,535,927 | (33,035,936,439) |
| + Cổ phiếu Sabeco - TCT Bia - Rượu - Nước giải khát SG | 5,000 | 350,000,000 | | 5,000 | 350,000,000 | |
| + Cổ phiếu TMS - Công ty Cổ phần Transimex | 2 | 58,355 | | 2 | 58,355 | |
| + Cổ phiếu Công ty Cổ phần DAP | 4,526,110 | 46,504,501,221 | (12,649,198,421) | 6,702,510 | 68,866,401,829 | (20,876,430,229) |
| + Cổ phiếu Công ty CP Cung Ứng và DV KT Hàng Hải | 1,650,000 | 15,001,100,000 | (547,100,000) | 1,650,000 | 15,001,100,000 | (530,600,000) |
| + Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cao Su Sao Vàng | - | - | - | 194,288 | 5,109,517,410 | (1,728,906,210) |
| + Cổ phiếu Công ty CPDV XK Lao Động Chuyên Gia | 1,500,000 | 30,000,000,000 | (12,450,000,000) | 1,500,000 | 30,000,000,000 | (9,900,000,000) |
| + Cổ phiếu Công ty CP GTNFOODS | 280,000 | 4,206,300,000 | | | | |
| + Trái phiếu Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng | 185 | 185,442,458,333 | | 185 | 185,442,458,333 | |
| + Chứng quyền của TCT CP Thiết Bị Điện VN | 400 | 20,000,000,000 | | 400 | 20,000,000,000 | |
| + Trái phiếu Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện | - | - | | 1100 | 110,001,000,000 | |
| + Cổ phiếu Công ty CP Khí Cụ Điện I | 579,551 | 13,935,651,526 | | | | |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | | | | | |
| + Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Sài Gòn | 1,577,024 | | 23,878,272,400 | 1,577,024 | 23,878,272,400 | 23,878,272,400 |
| | | | 23,878,272,400 | | | 23,878,272,400 |

31/3/2017 1/1/2017

Số lượng % sở % quyền % sở % quyền
cổ phiếu hữu biểu quyết hữu biểu quyết

Giá gốc VND Giá gốc VND

23,878,272,400 23,878,272,400

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | 31/3/2017 | 1/1/2017 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Phải thu của khách hàng ngắn hạn | 13,990,752,387 | 13,117,769,382 |
| -C.ty TNHH MTV - TCT Xây Dựng Lũng Lô | 5,016,183,019 | 5,516,183,019 |
| -Các khoản phải thu khách hàng khác | 8,974,569,368 | 7,601,586,363 |
| | <u>13,990,752,387</u> | <u>13,117,769,382</u> |

4. Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/3/2017 | 1/1/2017 |
|---|------------------------|-----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Ngắn hạn | | |
| -Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh | 4,418,761,567 | 3,769,643,838 |
| -Đặt cọc đầu tư | 110,000,000,000 | - |
| -Phải thu khác | 39,286,217,711 | 15,271,329,696 |
| | <u>153,704,979,278</u> | <u>19,040,973,534</u> |

5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

| | 31/3/2017 | 1/1/2017 |
|--|----------------------|----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Nợ quá hạn | | |
| -Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô | 5,016,183,019 | 5,516,183,019 |
| -Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Sông Đào | 328,000,000 | 328,000,000 |
| -Công ty Giao thông Vận tải Quyết Tiến | 238,100,000 | 238,100,000 |
| -Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao | 110,000,000 | 110,000,000 |
| -Công ty TNHH MTV Hàng Hải Hà Nội Phía Nam | 1,330,893,473 | 1,330,893,473 |
| -Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Việt Nam | 379,608,500 | 379,608,500 |
| -Công ty Cổ phần Sản xuất Kính Quảng Ninh | 157,200,000 | 157,200,000 |
| -Công ty TNHH MTV Vận tải Quốc Huy | 125,851,000 | 125,851,000 |
| -Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Ngọc Vy | 144,980,000 | 144,980,000 |
| -Các khoản nợ xấu và nợ khó đòi khác | 1,252,687,435 | 1,252,687,435 |
| | <u>9,083,503,427</u> | <u>9,583,503,427</u> |

6. Phải thu dài hạn khác

| | 31/3/2017 | 1/1/2017 |
|--|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh | 10,000,000,000 | 10,000,000,000 |

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 36/HĐHTKD ngày 06 tháng 08 năm 2015, các bên cam kết cùng hợp tác tổ chức kinh doanh, cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất, rủi ro từ hoạt động kinh doanh tàu chở container tương ứng với tỷ lệ vốn góp và các quy định trong hợp đồng hợp tác kinh doanh.

7. Tài sản cố định hữu hình

| | Phương tiện vận tải truyền dẫn VND | Thiết bị dụng cụ quản lý VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|--|------------------------------------|------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| 1/1/2017 | 18,329,220,245 | 152,649,008 | 18,481,869,253 |
| - Mua trong năm | 864,466,909 | - | 864,466,909 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - |
| 31/3/2017 | 19,193,687,154 | 152,649,008 | 19,346,336,162 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| 1/1/2017 | 13,566,937,795 | 59,757,336 | 13,626,695,131 |
| - Khấu hao trong kỳ | 192,792,721 | 2,881,251 | 195,673,972 |
| - Thanh lý, nhượng bán | - | - | - |
| 31/3/2017 | 13,759,730,516 | 62,638,587 | 13,822,369,103 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| 1/1/2017 | 4,762,282,450 | 92,891,672 | 4,855,174,122 |
| 31/3/2017 | 5,433,956,638 | 90,010,421 | 5,523,967,059 |

8. Bất động sản đầu tư

| | Năm 2017 Nhà cửa VND | Năm 2016 Nhà cửa VND |
|-------------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Nguyên giá | | |
| Số dư đầu năm và cuối năm | 38,530,325,770 | 38,530,325,770 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| Số dư đầu năm | 9,661,384,507 | 8,112,666,223 |
| Khấu hao trong năm | 387,179,571 | 1,548,718,284 |
| Số dư cuối năm | 10,048,564,078 | 9,661,384,507 |
| Giá trị còn lại | | |
| Số dư đầu năm | 28,868,941,263 | 30,417,659,547 |
| Số dư cuối năm | 28,481,761,692 | 28,868,941,263 |

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 52, tờ bản đồ số 13, phường An Thới, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với nguyên giá 746.493.800 VND. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không xác định thời hạn.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/3/2017 | 1/1/2017 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải | 988,817,357 | 988,817,357 |
| ISS Machinery Services | 452,536,581 | 436,072,267 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long | 405,150,000 | 405,150,000 |
| Các nhà cung cấp khác | 8,065,091,734 | 7,692,666,816 |
| | <u>9,911,595,672</u> | <u>9,522,706,440</u> |

Nợ quá hạn chưa thanh toán:

| | 31/3/2017 | 1/1/2017 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Cung Ứng và Dịch Vụ Kỹ Thuật Hàng Hải | 988,817,357 | 988,817,357 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Cửu Long | 405,150,000 | 405,150,000 |
| Hãng Đăng kiểm Germanischer Lloyd | 362,165,590 | 371,805,990 |
| ISS Machinery Services | 452,536,581 | 436,072,267 |
| Howe Robinson & Co.Ltd | 304,560,318 | 298,479,803 |
| Trường Cao Đẳng Hàng Hải | 247,584,025 | 247,584,025 |
| Các nhà cung cấp khác | 1,119,993,233 | 1,132,428,173 |
| | <u>3,880,807,104</u> | <u>3,880,337,615</u> |

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2017 | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | 31/3/2017 |
|-----------------------|--------------------|----------------------|------------------------|--------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế thu nhập cá nhân | 164,169,889 | 133,039,196 | (107,556,909) | 189,652,176 |
| Thuế giá trị gia tăng | 47,758,868 | 917,819,950 | (917,819,950) | 47,758,868 |
| Thuế thu nhập DN | - | 56,442,719 | - | 56,442,719 |
| Các loại thuế khác | - | 3,000,000 | (3,000,000) | - |
| | <u>211,928,757</u> | <u>1,110,301,865</u> | <u>(1,028,376,859)</u> | <u>293,853,763</u> |

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

| | 1/1/2017 VND | Tăng trong kỳ VND | Giảm trong kỳ VND | 31/3/2017 VND |
|--------------------------------------|------------------------------|----------------------|------------------------|------------------------------|
| Thuế GTGT được khấu trừ thu Nhà nước | 1,591,362,829 574,072,153 | 891,937,035 | (916,482,540) | 1,566,817,324 574,072,153 |
| Thuế TN Doanh nghiệp | 3,143,447,198 | 23,354,728 | (1,084,490,577) | 2,082,311,349 |
| Các loại thuế khác | | 3,000,000 | | 3,000,000 |
| | 5,308,882,180 | 918,291,763 | (2,000,973,117) | 4,226,200,826 |

12. Chi phí phải trả

| | 31/3/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Các khoản trích trước khác | 2,842,329,428 | 2,662,299,369 |
| | 2,842,329,428 | 2,662,299,369 |

13. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/3/2017 VND | 1/1/2017 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Công ty CP Quản lý và Kinh doanh Bất Động Sản Hà Nội | 1,503,000,000 | 1,503,000,000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 497,880,299 | 907,458,622 |
| | 2,000,880,299 | 2,410,458,622 |

14. Vay ngắn hạn và dài hạn

| | 1/1/2017 | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | 31/3/2017 |
|-------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | 11,057,231,202 | 18,506,300,000 | (3,962,417,333) | 25,601,113,869 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 771,100,000 | - | (190,500,000) | 580,600,000 |
| | 11,828,331,202 | 18,506,300,000 | (4,152,917,333) | 26,181,713,869 |

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:

| | Loại tiền | 31/3/2017 | 1/1/2017 |
|---------------------------|-----------|-----------------------|-----------------------|
| | | VND | VND |
| Công ty CP Chứng Khoán IB | VND | 23,601,113,869 | 9,057,231,202 |
| Vay cá nhân | VND | 2,000,000,000 | 2,000,000,000 |
| | | 25,601,113,869 | 11,057,231,202 |

Chi tiết các khoản vay dài hạn:

| | Loại tiền | Lãi suất | Năm đáo | 31/3/2017 | 1/1/2017 |
|--|-----------|----------|---------|--------------------|--------------------|
| | | năm | hạn | VND | VND |
| Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Hải Phòng | VND | 8% | 2017 | 580,600,000 | 771,100,000 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | | | | - | (190,500,000) |
| | | | | 580,600,000 | 580,600,000 |

15. Vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|----------------------------|------------------------------|-------------------------|--------------------|--------------------------|---|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| 1/1/2017 | 327,352,100,000 | 28,614,580,000 | (1,200,000) | 8,712,225,710 | 120,180,950,968 | 484,858,656,678 |
| - Biến động khác | | | | | 50,531,028 | 50,531,028 |
| - Lợi nhuận thuần trong kỳ | | - | - | - | 5,998,155,237 | 5,998,155,237 |
| 31/3/2017 | <u>327,352,100,000</u> | <u>28,614,580,000</u> | <u>(1,200,000)</u> | <u>8,712,225,710</u> | <u>126,229,637,233</u> | <u>490,907,342,943</u> |

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 31/3/2017 | | 1/1/2017 | |
|----------------------------------|-------------|-----------------|-------------|-----------------|
| | Số cổ phiếu | VND | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 32,735,210 | 327,352,100,000 | 27,110,908 | 271,109,080,000 |
| Cổ phiếu quỹ | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 120 | 1,200,000 | 120 | 1,200,000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 32,735,090 | 327,350,900,000 | 27,110,788 | 271,107,880,000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

| Nợ khó đòi đã xử lý | Nguyên nhân xóa sổ | Năm xóa sổ | 31/3/2017 | 1/1/2017 |
|-----------------------------|----------------------|---------------|----------------------|----------------------|
| | | | VND | VND |
| Bransford International Ltd | Nợ đọng kéo dài | 2013 | 1,510,085,635 | 1,510,085,635 |
| Công ty TNHH Đền hình | | | | |
| Orion Hanel | Doanh nghiệp phá sản | 2012 | 1,007,000,000 | 1,007,000,000 |
| Far Shipping Lines Pte Ltd | Nợ đọng kéo dài | 2013 | 832,800,000 | 832,800,000 |
| Tổng Công ty Xây dựng Số 1 | Nợ đọng kéo dài | 2012 | 353,441,000 | 353,441,000 |
| Obayashi Corporation | Nợ đọng kéo dài | 2013 | 671,955,900 | 671,955,900 |
| Nợ khó đòi khác | Nợ đọng kéo dài | 2012 | 1,406,380,106 | 1,406,380,106 |
| | | | 5,781,662,641 | 5,781,662,641 |

II. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý | |
|--|--------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| | VND | VND |
| Doanh thu vận tải | 6,557,797,091 | 5,272,610,834 |
| Doanh thu cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến | 1,199,427,406 | 1,166,368,552 |
| Doanh thu được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh | 7,921,157,717 | - |
| Doanh thu dịch vụ khác | 3,123,034,968 | 2,803,604,195 |
| | 18,801,417,182 | 9,242,583,581 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý | |
|--|--------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| | VND | VND |
| Giá vốn vận tải | 6,459,739,053 | 4,888,127,059 |
| Giá vốn cho thuê văn phòng, kho bãi, cầu bến | 1,089,215,616 | 1,084,381,559 |
| Giá vốn được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh | 7,014,682,676 | - |
| Giá vốn dịch vụ khác | 2,381,640,010 | 2,453,432,786 |
| | 16,945,277,355 | 8,425,941,404 |

3. Doanh thu tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý | |
|--|--------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 146,895,664 | 46,364,307 |
| Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính, chứng khoán, BCC | 5,220,077,114 | 66,203,224,763 |
| Cổ tức được chia | 840,000,000 | 48,519,200 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | - | - |
| | 6,206,972,778 | 66,298,108,270 |

4. Chi phí tài chính

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý | |
|--|--------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 625,674,459 | 195,032,820 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | (2,045,258,678) | 6,889,668,020 |
| Chi phí tài chính khác | 490,123,014 | 252,898,961 |
| | (929,461,205) | 7,337,599,801 |

5. Thu nhập khác

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý | |
|---------------|--------------------------------|-----------|
| | Năm nay | Năm trước |
| | VND | VND |
| Thu nhập khác | 3,721,580 | - |
| | 3,721,580 | - |

6. Thuế thu nhập doanh nghiệp

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý | |
|---------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| | VND | VND |
| Chi phí thuế kỳ hiện hành | 1,304,270,225 | 17,081,827,306 |
| | 1,304,270,225 | 17,081,827,306 |

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý | |
|---|--------------------------------|----------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| | VND | VND |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ (a) | 5,998,155,237 | 40,526,538,865 |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền | | |
| Cổ phiếu phổ thông đã phát hành kỳ trước mang sang | 32,735,090 | 27,110,788 |
| Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu trong kỳ | - | - |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu đang lưu hành trong năm (b) | | |
| trong kỳ (b) | 32,735,090 | 27,110,788 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (a : b) | 183 | 1,495 |

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2017

Người lập:



Lê Thị Lan Hương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:





Nguyễn Thị Lan Anh
Kế toán trưởng

Đặng Tiến Thành
Tổng Giám đốc

